

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/12/2024
“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Bắc và bà Hoàng Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 618/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: Số A ngách E ngõ C phố Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ phòng số 6, số nhà I ngõ C phố Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số A ngách E ngõ C phố Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người làm chứng: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1936; Địa chỉ: Số C Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số D Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bà Lê Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: 1 Đ, khu E, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh Lê Hữu T3, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số A ngách E ngõ C phố Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thể hiện: Chị và anh Lê Hữu T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ba lần chị sinh con, anh T đều không quan tâm, không chăm sóc tận tình. Con ốm đau, mình chị lo lắng chăm sóc. Bố mẹ chồng ốm đau, chị chăm sóc tận tình, đúng trách nhiệm đạo lý người con nhưng khi mẹ đẻ chị ốm, anh T không hề hỏi han, chăm sóc. Vì cuối năm 2023 bị tai nạn nằm viện, chị không chăm sóc được mẹ chồng mà anh T không công nhận toàn bộ công sức chăm lo của chị với gia đình chồng. Khi xây nhà, anh T không nghe ý kiến của chị. Vợ chồng không có kinh tế chung. Vì tình nghĩa và các con còn nhỏ, chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh T không thay đổi. Tháng 8/2024, chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án sau đó rút đơn. Sau đó, vợ chồng vẫn không hòa hợp nên chị đã dọn ra ở riêng từ cuối tháng 8/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, anh T4 còn nghi ngờ chị có người đàn ông khác. Đến nay, chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị và anh T có 03 con chung là Lê Hữu T3, sinh ngày 31/01/2003, Lê Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2010 và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/2015. Chị đề nghị giải quyết cho chị nuôi con Lê Thị Hồng N, anh T nuôi con Lê Hữu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Con Lê Hữu T3 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai của bị đơn anh Lê Hữu T thể hiện:* Việc vợ chồng kết hôn, chung sống và sinh được 03 con như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống tuy nhiên anh chưa bao giờ đánh đập chị H. Anh có quan tâm chăm sóc chị H khi sinh nở nhưng vì con bị cấp cứu nằm ở phòng điều trị khác nên anh phải đi lại hai bên. Từ khi chung sống cho đến nay, vợ chồng không có kinh tế chung, khi chi tiêu việc lớn thì vợ chồng cùng đóng góp. Anh nghĩ rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn đến mức phải ly hôn. Trước đây, chị H đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án, trong thời gian này vợ chồng vẫn ở cùng nhau. Sau khi rút đơn được vài ngày, không hiểu lý do gì chị H tự bỏ nhà đi thuê trọ và sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh nghĩ rằng chị H có chân đi thì tự về, anh không có lỗi nên không phải xin lỗi và đến đón chị H về ở cùng. Vợ chồng mâu thuẫn, hai gia đình nội ngoại đều biết, mọi người đã khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi. Nay anh không đồng ý ly hôn vì con trai lớn sắp lấy vợ, hai con còn lại phải chia rẽ, sống không có bố hoặc không có mẹ. Nếu phải ly hôn, anh chấp nhận nuôi con Lê Hữu Đ, chị H nuôi con Lê Thị

Hồng N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Con Lê Hữu T3 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, anh không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

* Theo ý kiến của ông Lê Hữu T1 (bố đẻ anh T); bà Lê Thị M, bà Lê Thị L, chị Lê Thị T2 (chị, em ruột của anh T) và anh Lê Hữu T3 (con trai anh T, chị H): Mọi người đều có quan điểm gia đình đang có cuộc sống êm đẹp, anh T là người tốt, 03 con ngoan ngoãn, không có lý do chị H làm đơn ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét nguyên nhân chị H làm đơn ly hôn, bác bỏ đơn ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là anh T không làm tròn trách nhiệm của người con, người chồng và người cha trong gia đình. Ngoài ra, có mâu thuẫn với chị em chồng, không hoà thuận.

- Bị đơn đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị H. Nếu chị H đồng ý từ chối toàn bộ tài sản thì anh đồng ý ly hôn.

- Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Hữu T. Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2010; giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/2015, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; con Lê Hữu T3 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2002 theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong suốt quá trình chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn càng tăng nên chị H đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, sau đó được hoà giải rút đơn. Tại Quyết định số 120/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn không thể hoà hợp, hàn gắn được tình cảm. Chị H đã dọn ra ở riêng từ tháng 8/2024 cho đến nay, vợ chồng không nói chuyện, quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Xét hôn nhân của chị H và anh T không hạnh phúc, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn kéo dài và đến nay đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Lê Hữu T3, sinh ngày 31/01/2003, Lê Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2010 và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/2015. Con Lê Hữu T3 đã thành niên, tự lập cuộc sống nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét nguyện vọng của các con trên 07 tuổi là Lê Hữu Đ và Lê Thị Hồng N cũng như ý kiến của chị H và anh T, HĐXX cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Hồng N, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hữu Đ là phù hợp phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xét chị H và anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên quan hệ này, Tòa án không xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Hữu T.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T có 03 con chung là Lê Hữu T3, sinh ngày 31/01/2003, Lê Hữu Đ, sinh ngày 15/02/2010 và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/2015.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Thị Hồng N; anh Lê Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Hữu Đ cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị H và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0006230 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Thanh Bình, TP. Hải Dương (kết hôn năm 2002);
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà